

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 137/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27 /7/2018

V/v Tranh chấp:

“Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Hoa**.*

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Dương Thị Hương**.

+ Bà **Lê Thị Minh Thắm**.

*Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Huyền Ni** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Cẩm Thúy** - kiểm sát viên.*

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 403/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2018/QĐXX-ST ngày 06/7/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 65/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2018 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 1985 (có mặt),*

Địa chỉ: 128/5, khu phố 3, đường T, phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/ *Bị đơn: **Phạm Văn H**, sinh năm: 1979 (vắng mặt).*

Địa chỉ: 128/5, khu phố 3, đường T, phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Phạm Văn H tổ chức đám cưới năm 2003 có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 2006, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và gia đình bên chồng khó khăn, trong quan hệ vợ chồng, ông H có quan hệ với bạn gái khác, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, bà bỏ về cha mẹ ruột sống từ năm 2014 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn H.

- Về con chung: Có 02 cháu Phạm Thị Ngọc T1, sinh ngày 25/3/2004, Phạm Văn Hoàng T2 sinh ngày 03/6/2009, bà nuôi từ lúc vợ chồng sống ly thân, nhưng gần đây ông H rước về bên ông H chơi rồi nuôi luôn cho đến nay. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ ông Phạm Văn H trình bày:

Ông và bà T quen biết, tổ chức đám cưới năm 2003 có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 2006, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống chung với gia đình, gia đình ông khó khăn, nên vợ bỏ về nhà cha mẹ vợ sống từ năm 2014 cho đến nay, từ đó vợ chồng ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

- Về con chung: Có 02 cháu Phạm Thị Ngọc T1, sinh ngày 25/3/2004, Phạm Văn Hoàng T2, sinh ngày 03/6/2009, hiện nay ông H đang nuôi. Nếu Tòa án ly hôn hai con chung muốn sống với ai sống.

- Về tài sản chung: Có tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng quy định của pháp luật như tiến hành xác minh, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tóm tắt và nhận định nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T; con chung: 02 cháu Phạm Thị Ngọc T1, sinh ngày 25/3/2004 và Phạm Văn Hoàng T2, sinh ngày 03/6/2009, giao cho bà T nuôi hai con chung, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; tài sản chung: có tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phạm Văn H là tranh chấp “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn H; con chung: 02 cháu Phạm Thị Ngọc T1, sinh ngày 25/3/2004 và Phạm Văn Hoàng T2, sinh ngày 03/6/2009, khi ly hôn bà yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: có tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có.

[3] Tại phiên tòa ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông H không đến tham gia phiên tòa để trình bày ý kiến cho Hội đồng xét xử xem xét. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn H.

Xét các yêu cầu của các đương sự:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phạm Văn H chung sống với nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND phường H, thành

phố M, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006, thì phát sinh nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tiền bạc, vợ chồng sống chung gia đình ông H, gia đình ông H khó khăn và ông H có quan hệ với bạn gái khác, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau bà T bỏ về gia đình bà sống từ năm 2014 cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông H. Xét thấy bà T và ông H chung sống hạnh phúc đến năm 2006, thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng sống chung gia đình ông H, cha mẹ anh chị em ông H khó khăn, ông H không lo cho vợ con, từ đó ông bà thường xuyên cự cãi nhau, bà T bỏ nhà dẫn con về nhà cha mẹ ruột bà sống từ năm 2014 cho đến nay, nhưng ông H cũng không tới lui thăm bà T và các con, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông H không đồng ý ly hôn nhưng ông không đưa ra được biện pháp đoàn tụ và thời gian ông bà sống ly thân quá lâu. Do đó yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T.

[2] Về con chung: Có 02 cháu Phạm Thị Ngọc T1, sinh ngày 25/3/2004, Phạm Văn Hoàng T2, sinh ngày 03/6/2009. Khi ly hôn bà T yêu cầu nuôi hai con chung, ông H tùy hai con muốn sống với ai thì sống. Xét thấy cháu T1, cháu T2 từ nhỏ sống chung ông bà, nhưng từ ngày ông bà sống ly thân, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục lo cho cháu T1, cháu T2 chu đáo, nhưng thời gian gần đây ông H rước hai con về bên ông sống, nhưng nguyện vọng của cháu T1, cháu T2 cũng muốn sống với mẹ. Do đó bà T yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T1, cháu T2 là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu T1, cháu T2 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T1, cháu T2.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T trực tiếp nuôi cháu T1, cháu T2 nhưng tại phiên tòa bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Có tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Phạm Văn H.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi cháu Phạm Thị Ngọc T1, sinh ngày 25/3/2004, Phạm Văn Hoàng T2, sinh ngày 03/6/2009. Ông Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Văn H có quyền đến trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Có tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

2/ Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai số 0012721 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Phạm Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
- (Đăng ký kết hôn năm 2004
phường H, TP M)
- Lưu hồ sơ.

Võ Thị Ngọc Hoa